

KẾT QUẢ KỲ THI ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN ĐỢT 2 NĂM 2026 TẠI HỌC VIỆN; THI NGÀY 28/3/2026

STT	SBD	Họ và tên đệm	Tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Lớp/ĐVCT	Điểm TN	Điểm TH	KẾT QUẢ
1	TH.2.26.001	VŨ THÁI	AN	Nữ	15/5/2005	Hà Nội	Kinh	Lớp Báo in K43	8.0	10	Đạt
2	TH.2.26.002	TRẦN KHÁNH	AN	Nữ	11/7/2005	Hà Nội	Kinh	Lớp Truyền thông quốc tế K43	6.75	9.0	Đạt
3	TH.2.26.003	NGUYỄN THẢO	AN	Nữ	20/9/2004	Ninh Bình	Kinh	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	6.75	6.5	Đạt
4	TH.2.26.004	HOÀNG KHẮC	AN	Nam	27/5/2000	Thanh Hoá	Kinh	Trường cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc	8.5	8.5	Đạt
5	TH.2.26.005	PHẠM THỊ HOÀI	AN	Nữ	21/10/2005	Ninh Bình	Kinh	Lớp Xã Hội Học K43	8.25	5.5	Đạt
6	TH.2.26.006	DOÀN QUỲNH	ANH	Nữ	02/7/2004	Hà Nội	Kinh	Lớp Quan hệ quốc tế & Truyền thông toàn cầu CLC K42	6.25	8.0	Đạt
7	TH.2.26.007	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	Nữ	15/4/2007	Hà Nội	Kinh	Lớp Truyền thông đại chúng K45A2	7.25	7.5	Đạt
8	TH.2.26.008	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	Nữ	17/12/2005	Hà Nội	Kinh	Lớp Quan hệ chính trị và truyền thông quốc tế K43	8.75	9.0	Đạt
9	TH.2.26.009	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	Nữ	24/8/2004	Huế	Kinh	Lớp Quản lý hành chính nhà nước K43	5.0	6.0	Đạt
10	TH.2.26.010	LƯƠNG KIỀU	ANH	Nữ	23/8/2005	Hà Nội	Kinh	Lớp Quảng cáo K43	8.0	9.5	Đạt
11	TH.2.26.011	VŨ HÀ	ANH	Nữ	08/12/2005	Hà Nội	Kinh	Lớp Báo In K43	8.0	9.0	Đạt
12	TH.2.26.012	ĐINH QUỲNH	ANH	Nữ	17/3/2007	Ninh Bình	Kinh	Lớp Quan hệ quốc tế - Truyền thông toàn cầu	5.75	8.5	Đạt
13	TH.2.26.013	NGHIÊM PHƯƠNG	ANH	Nữ	14/12/2004	Hà Nội	Kinh	Lớp Truyền thông đại chúng K43A2	7.0	8.5	Đạt
14	TH.2.26.014	VŨ HOÀNG MAI	ANH	Nữ	27/9/2007	Hải Phòng	Kinh	Lớp Quan hệ quốc tế và Truyền thông toàn cầu K45	6.25	6.5	Đạt
15	TH.2.26.015	DƯƠNG VIỆT	ANH	Nam	24/11/2004	Ninh Bình	Kinh	Lớp Quan hệ chính trị và Truyền thông quốc tế K42	7.75	9.5	Đạt
16	TH.2.26.016	NGUYỄN TRANG	ANH	Nữ	04/12/2005	Tuyên Quang	Tày	Truyền thông Đại chúng k43A1	6.75	9.5	Đạt
17	TH.2.26.017	VŨ MINH	ANH	Nữ	28/8/2005	Ninh Bình	Kinh	Lớp Quan hệ Chính trị và Truyền thông quốc tế K43	9.0	10	Đạt
18	TH.2.26.018	NGUYỄN HIỀN	ANH	Nữ	08/10/2004	Hà Nội	Kinh	Lớp Quản Lý Kinh Tế K42	6.5	8.5	Đạt

STT	SBD	Họ và tên đệm	Tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Lớp/ĐVCT	Điểm TN	Điểm TH	KẾT QUẢ
19	TH.2.26.019	PHẠM HẢI	ANH	Nữ	13/5/2005	Liên Bang Nga	Kinh	Lớp Quan hệ công chúng chuyên nghiệp K43	7.75	7.5	Đạt
20	TH.2.26.020	TRỊNH HÀ	ANH	Nữ	16/02/2004	Thanh Hoá	Kinh	Lớp chính sách công K42	7.75	8.5	Đạt
21	TH.2.26.021	VŨ TRẦN VÂN	ANH	Nữ	16/6/2004	Ninh Bình	Kinh	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	5.75	7.5	Đạt
22	TH.2.26.022	NGUYỄN QUỲNH	ANH	Nữ	22/02/2004	Hà Nội	Kinh	Lớp Truyền thông chính sách K42	5.0	6.5	Đạt
23	TH.2.26.023	LÊ THỊ MAI	ÁNH	Nữ	26/01/2005	Thanh Hoá	Kinh	Xã hội học K43	8.25	6.5	Đạt
24	TH.2.26.024	LÊ THỊ PHƯƠNG	ANH	Nữ	09/7/2005	Lào Cai	Kinh	Lớp Quan hệ chính trị và Truyền thông quốc tế K43	6.75	8.0	Đạt
25	TH.2.26.025	ĐỖ PHƯƠNG	ANH	Nữ	22/10/2004	Hà Nội	Kinh	Truyền thông đại chúng K42A1	6.25	8.5	Đạt
26	TH.2.26.026	LÊ THỊ MINH	ANH	Nữ	27/9/2004	Hưng Yên	Kinh	Lớp Quản lí kinh tế K42	7.25	9.0	Đạt
27	TH.2.26.027	ĐỖ VÂN	ANH	Nữ	09/12/2005	Hà Nội	Kinh	Lớp Công tác xã hội K43	5.25	0.5	Không đạt
28	TH.2.26.028	NGUYỄN THỊ TRÂM	ANH	Nữ	04/9/2005	Thanh Hoá	Kinh	Lớp Truyền thông đại chúng K43A2	7.25	7.5	Đạt
29	TH.2.26.029	HOÀNG	BẢO	Nam	03/10/2004	Hà Nội	Kinh	Lớp Quảng Cáo K42	6.75	8.0	Đạt
30	TH.2.26.030	ĐOÀN THANH	BÌNH	Nữ	01/12/2005	Hải Phòng	Kinh	Lớp Chính trị phát triển K43	4.75	7.0	Không đạt
31	TH.2.26.031	TRƯƠNG LIÊN	CHÂU	Nữ	26/01/2003	Hà Nội	Kinh	Lớp Công tác xã hội K42	7.0	10	Đạt
32	TH.2.26.032	NGUYỄN BẢO	CHÂU	Nữ	11/6/2005	Bắc Ninh	Kinh	Lớp Truyền thông Đại chúng	6.75	7.5	Đạt
33	TH.2.26.033	NGUYỄN THỊ HÀ	CHI	Nữ	03/5/2007	Hà Nội	Kinh	Lớp Quản Lý Công K45A2	6.0	6.0	Đạt
34	TH.2.26.034	TRẦN THỊ KIM	CHI	Nữ	19/4/2005	Ninh Bình	Kinh	Quản lý xã hội K43	5.75	7.0	Đạt
35	TH.2.26.035	LÒ TRỊNH LINH	CHI	Nữ	11/5/2005	Sơn La	Thái	Lớp Tư Tưởng Hồ Chí Minh K43	5.75	5.0	Đạt
36	TH.2.26.036	NGÔ QUẾ	CHI	Nữ	08/7/2004	Hà Nội	Kinh	Lớp Quản Lý Kinh Tế K42	7.75	10	Đạt
37	TH.2.26.037	NGUYỄN LINH	CHI	Nữ	30/12/2006	Hà Nội	Kinh	Lớp Truyền thông chính sách K44	6.25	7.5	Đạt
38	TH.2.26.038	HOÀNG BẢO	DIỆP	Nữ	12/12/2004	Ninh Bình	Kinh	Lớp Công tác xã hội K42	8.0	7.5	Đạt

STT	SBD	Họ và tên đệm	Tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Lớp/ĐVCT	Điểm TN	Điểm TH	KẾT QUẢ
39	TH.2.26.039	PHÙNG DƯƠNG	NGỌC DIỆP	Nữ	25/5/2004	Hà Nội	Kinh	Lớp Quản lý công K42	6.75	8.5	Đạt
40	TH.2.26.040	NGUYỄN THỊ	THUY DUNG	Nữ	07/12/2004	Quảng Ninh	Kinh	Lớp QHQT&TTTC (CLC) K42	7.25	7.0	Đạt
41	TH.2.26.041	ĐINH CHÍ	DŨNG	Nam	27/8/2005	Hà Nội	Kinh	Lớp Truyền thông Đa phương tiện K43	7.75	6.5	Đạt
42	TH.2.26.042	NGUYỄN THUY	DUYÊN	Nữ	05/9/2004	Hung Yên	Kinh	Lớp Truyền thông đại chúng K42A1	7.0	6.5	Đạt
43	TH.2.26.043	LÃ THỊ MỸ	DUYÊN	Nữ	17/9/2005	Hải Phòng	Kinh	Báo Ảnh K43	7.25	7.5	Đạt
44	TH.2.26.044	NGUYỄN ĐỨC	TUẤN ĐẠT	Nam	18/11/2005	Hà Nội	Kinh	Lớp Quản lý Hành chính Nhà nước K43	6.0	6.5	Đạt
45	TH.2.26.045	TRỊNH QUỐC	ĐẠT	Nam	09/12/2004	Hà Nội	Kinh	Quan hệ Quốc Tế - Truyền Thông toàn cầu CLC K42	7.25	6.5	Đạt
46	TH.2.26.046	ĐẬU THỊ	QUỲNH GIANG	Nữ	03/11/2005	Nghệ An	Kinh	Xã hội học K43	7.0	6.5	Đạt
47	TH.2.26.047	LÊ THANH	GIANG	Nữ	16/8/2005	Hà Nội	Kinh	Lớp Báo In K43	5.25	5.5	Đạt
48	TH.2.26.048	TRẦN HƯƠNG	GIANG	Nữ	25/01/2005	Ninh Bình	Kinh	Lớp Truyền thông quốc tế K43	7.75	6.0	Đạt
49	TH.2.26.049	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG GIANG	Nữ	20/5/2005	Hà Nội	Kinh	Lớp Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước K43A2	7.0	7.5	Đạt
50	TH.2.26.050	TRẦN THỊ	GIANG	Nữ	08/3/2005	Ninh Bình	Kinh	Báo In - K43	6.0	8.0	Đạt
51	TH.2.26.052	NGÔ THỊ	KHÁNH HẠ	Nữ	22/6/2005	Cao Bằng	Dao	Lớp Ngôn ngữ Anh K43	6.75	9.0	Đạt
52	TH.2.26.053	PHÙNG NGỌC	HÀ	Nữ	22/01/2004	Bắc Ninh	Sán Diu	Truyền thông Marketing A1 K42	7.0	7.0	Đạt
53	TH.2.26.054	HOÀNG VĂN	HẠNH	Nam	24/6/1989	Ninh Bình	Kinh	Đại học Kinh tế quốc dân	9.75	9.0	Đạt
54	TH.2.26.055	LÊ ANH	HOÀNG	Nam	30/10/2004	Phú Thọ	Kinh	K25 CLC TCA Học Viện Ngân Hàng	7.0	9.0	Đạt
55	TH.2.26.056	NGUYỄN THỊ	HUỆ	Nữ	05/11/2006	Phú Thọ	Kinh	Lớp Báo in K44	6.75	7.0	Đạt
56	TH.2.26.057	HỒ THỊ	KIM HUỆ	Nữ	29/7/2004	Hung Yên	Kinh	Lớp Chính trị phát triển K42	5.25	8.0	Đạt
57	TH.2.26.058	NGUYỄN QUANG	HUY	Nam	13/7/2004	Quảng Trị	Kinh	Học viện phụ nữ việt nam	5.75	5.5	Đạt
58	TH.2.26.059	VŨ TUẤN	HUY	Nam	22/10/2006	Hà Nội	Kinh	Báo mạng điện tử K44A1	9.0	9.0	Đạt

STT	SBD	Họ và tên đệm	Tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Lớp/ĐVCT	Điểm TN	Điểm TH	KẾT QUẢ
59	TH.2.26.060	NGUYỄN VĂN	HUY	Nam	29/8/2005	Hà Nội	Kinh	Lớp Quản lý hành chính nhà nước K43	5.25	6.0	Đạt
60	TH.2.26.061	TRẦN HÀ NGỌC	HUYỀN	Nữ	24/12/2005	Sơn La	Mường	Quan hệ Chính trị và Truyền thông Quốc tế K43	8.0	8.0	Đạt
61	TH.2.26.062	TRẦN LÊ KHÁNH	HUYỀN	Nữ	12/12/2005	Hà Nội	Kinh	Quan hệ chính trị & Truyền thông quốc tế K43	7.0	9.5	Đạt
62	TH.2.26.063	ĐỖ MAI	HUYỀN	Nữ	19/11/2004	Hà Nội	Kinh	Lớp Báo mạng điện tử CLC K42	8.0	6.0	Đạt
63	TH.2.26.064	HOÀNG VĂN	HUỲNH	Nam	10/3/2005	Hải Phòng	Kinh	Lớp Báo In K43	9.75	9.0	Đạt
64	TH.2.26.065	NGUYỄN THỊ THU	HƯƠNG	Nữ	14/12/2005	Quảng Ninh	Kinh	Lớp Quản lý hành chính nhà nước K43	7.75	6.5	Đạt
65	TH.2.26.066	LÊ THỊ	HƯỜNG	Nữ	13/01/2005	Thanh Hoá	Kinh	Lớp Tư tưởng Hồ Chí Minh K43	8.5	6.0	Đạt
66	TH.2.26.067	HOÀNG KIM	KHÁNH	Nữ	22/4/2004	Hung Yên	Kinh	Lớp Xây dựng Đảng & CQNN K42A2	7.75	6.5	Đạt
67	TH.2.26.068	NGUYỄN MINH	KHUÊ	Nữ	28/11/2005	Hà Nội	Kinh	Lớp Truyền thông Marketing K43A2	5.0	7.0	Đạt
68	TH.2.26.069	NGUYỄN MAI	LAN	Nữ	11/02/2004	Hà Nội	Kinh	Lớp Quan hệ công chúng chuyên nghiệp K42	8.0	7.5	Đạt
69	TH.2.26.070	NGUYỄN ĐÌNH	LÂM	Nam	06/5/2005	Bắc Ninh	Kinh	Lớp Quản lý hành chính nhà nước K43	7.75	8.0	Đạt
70	TH.2.26.072	TRỊNH THÙY	LINH	Nữ	02/11/2004	Thanh Hoá	Kinh	Biên tập xuất bản K42	7.25	6.5	Đạt
71	TH.2.26.073	NGUYỄN THỊ THUY	LINH	Nữ	25/3/2005	Nghệ An	Kinh	Truyền thông quốc tế K43	8.0	5.5	Đạt
72	TH.2.26.074	NGUYỄN THUY	LINH	Nữ	13/3/1989	Hà Nội	Kinh	Quy Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội	6.75	5.0	Đạt
73	TH.2.26.075	TỔNG KHÁNH	LINH	Nữ	20/3/2005	Bình Dương	Kinh	Lớp Truyền thông đa phương tiện K43	8.0	7.0	Đạt
74	TH.2.26.076	BÙI HOÀNG DIỆU	LINH	Nữ	06/10/2005	Sơn La	Kinh	Lớp Truyền thông quốc tế K43	7.25	8.5	Đạt
75	TH.2.26.077	TRẦN THẢO	LINH	Nữ	17/8/2005	Hà Nội	Kinh	Lớp Truyền thông Đại chúng K43A1	6.25	7.0	Đạt
76	TH.2.26.078	TẠ YẾN	LINH	Nữ	29/7/2004	Thái Nguyên	Kinh	Lớp Quan hệ quốc tế và truyền thông toàn cầu K42	5.75	7.5	Đạt
77	TH.2.26.079	QUÁCH THUY	LINH	Nữ	14/02/2005	Ninh Bình	Kinh	Lớp Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước K43A2	6.75	7.5	Đạt
78	TH.2.26.080	ĐÌNH PHƯƠNG	LINH	Nữ	24/8/2005	Hà Nội	Kinh	Thông tin đối ngoại K43	7.0	7.0	Đạt

STT	SBD	Họ và tên đệm	Tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Lớp/ĐVCT	Điểm TN	Điểm TH	KẾT QUẢ
79	TH.2.26.081	ĐỖ KHÁNH	LINH	Nữ	25/01/2005	Hà Nội	Kinh	Truyền thông Đại chúng A1 K43	7.25	6.5	Đạt
80	TH.2.26.082	NGUYỄN KHÁNH	LINH	Nữ	12/10/2004	Hung Yên	Kinh	Quản lý kinh tế K42	4.75	7.0	Không đạt
81	TH.2.26.083	ĐỖ THỊ HÀ	LINH	Nữ	26/01/2004	Hà Nội	Kinh	Lớp Truyền thông Đa phương tiện K42	7.5	6.5	Đạt
82	TH.2.26.084	TẠ THỊ NGỌC	LƯƠNG	Nữ	10/5/2005	Hải Phòng	Kinh	Lớp Truyền thông đại chúng K43A2	6.0	9.5	Đạt
83	TH.2.26.085	ĐẶNG HUỆ	LƯƠNG	Nữ	29/9/2005	Hải Phòng	Kinh	Lớp Quản lý hành chính nhà nước K43	7.25	7.5	Đạt
84	TH.2.26.086	TRẦN KHÁNH	LY	Nữ	12/5/2004	Hà Nội	Kinh	Lớp Quan hệ công chúng chuyên nghiệp K42	7.0	9.0	Đạt
85	TH.2.26.087	BÙI THỊ NGỌC	MAI	Nữ	20/12/2005	Quảng Ngãi	Mường	Truyền thông đại chúng K43A1	7.75	7.0	Đạt
86	TH.2.26.088	LÊ VŨ NHƯ	MAI	Nữ	26/01/2005	Hải Phòng	Kinh	Lớp Quản lý hành chính nhà nước K43	7.75	6.0	Đạt
87	TH.2.26.089	ĐỖ DUY	MINH	Nam	24/7/2004	Hà Nội	Kinh	Lớp Quảng Cáo K42	6.25	6.5	Đạt
88	TH.2.26.090	LÊ THÁI NHẬT	MINH	Nam	24/9/2001	Hà Tĩnh	Kinh	Công ty Luật TNHH Gruenkorn & Partner	5.25	6.0	Đạt
89	TH.2.26.091	NGUYỄN HÀ	MY	Nữ	04/6/2004	Hà Nội	Kinh	Xây dựng Đảng & Chính quyền Nhà nước K42A2	5.75	5.5	Đạt
90	TH.2.26.092	NGUYỄN THỊ HUYỀN	MY	Nữ	19/7/2004	Hà Nội	Kinh	Báo mạng điện tử CLC K42	7.25	7.5	Đạt
91	TH.2.26.093	ĐỖ THỊ HÀ	MY	Nữ	18/10/2004	Hà Nội	Kinh	Lớp Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước K42 A1	8.0	6.0	Đạt
92	TH.2.26.094	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	Nữ	31/5/2004	Hà Nội	Kinh	Lớp CNXHKKH K42	7.25	7.0	Đạt
93	TH.2.26.095	NGUYỄN THẢO	MY	Nữ	29/11/2004	Hà Nội	Kinh	Lớp Quan hệ quốc tế Truyền thông toàn cầu K42	6.0	8.0	Đạt
94	TH.2.26.096	NGUYỄN THỊ HẢI	NINH	Nữ	17/9/2003	Ninh Bình	Kinh	Lớp Biên tập xuất bản K42	6.5	7.5	Đạt
95	TH.2.26.097	LÊ THUY	NGA	Nữ	01/11/2005	Hà Nội	Kinh	Lớp Truyền thông đại chúng K43A1	5.75	7.5	Đạt
96	TH.2.26.098	PHẠM THỊ LIÊN	NGÀ	Nữ	23/02/1985	Hà Nội	Kinh	Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội	6.75	7.0	Đạt
97	TH.2.26.099	NGUYỄN THỊ THU	NGÂN	Nữ	13/01/2004	Bắc Ninh	Kinh	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	4.75	4.0	Không đạt
98	TH.2.26.100	LÊ THỊ KIM	NGÂN	Nữ	09/8/2004	Thanh Hoá	Kinh	Lớp Quan hệ công chúng chuyên nghiệp K42	6.75	8.5	Đạt

STT	SBD	Họ và tên đệm	Tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Lớp/ĐVCT	Điểm TN	Điểm TH	KẾT QUẢ
99	TH.2.26.101	TRẦN THỊ THU	NGÂN	Nữ	17/01/2006	Hải Phòng	Kinh	Lớp Truyền thông chính sách K44	6.75	10	Đạt
100	TH.2.26.102	ĐÀO THỊ	NGỌC	Nữ	29/01/2006	Hưng Yên	Kinh	Lớp Quan hệ chính trị và Truyền thông quốc tế K44	7.75	7.5	Đạt
101	TH.2.26.103	NGUYỄN NHƯ	NGỌC	Nữ	29/01/2004	Hà Nội	Kinh	Lớp Truyền thông quốc tế K42	5.75	7.0	Đạt
102	TH.2.26.104	NGUYỄN MINH	NGỌC	Nữ	01/12/2003	Hải Phòng	Kinh	Đại học Y dược - Đại học Quốc gia Hà Nội	8.75	8.5	Đạt
103	TH.2.26.105	NGUYỄN THỊ BẢO	NGỌC	Nữ	28/11/2003	Phú Thọ	Kinh	Lớp Thông Tin Đối Ngoại K42	8.0	9.0	Đạt
104	TH.2.26.106	NGUYỄN VĂN	NGUYỄN	Nam	06/5/2005	Hà Nội	Kinh	Lớp Truyền thông Đa phương tiện K43	9.25	5.5	Đạt
105	TH.2.26.108	ĐINH THỊ OANH	NGŨ	Nữ	03/02/2005	Sơn La	Thái	Tư tưởng Hồ Chí Minh K43	6.0	6.5	Đạt
106	TH.2.26.109	ĐẶNG THỊ THANH	NHÀN	Nữ	18/5/2004	Hưng Yên	Kinh	Lớp Truyền Thông Đại Chúng A1 K42	7.25	7.5	Đạt
107	TH.2.26.110	NGUYỄN NGỌC LAN	NHI	Nữ	05/11/2005	Hà Nội	Kinh	Lớp Truyền thông Marketing K43A2	7.0	9.5	Đạt
108	TH.2.26.111	NGUYỄN THỊ	NHUNG	Nữ	02/4/2004	Bắc Ninh	Kinh	Lớp Biên tập xuất bản K42	6.75	8.0	Đạt
109	TH.2.26.112	VŨ THỊ HỒNG	NHUNG	Nữ	04/9/2003	Hải Phòng	Kinh	Lớp Báo Mạng điện tử K42	8.0	7.5	Đạt
110	TH.2.26.113	NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	Nữ	28/6/2005	Ninh Bình	Kinh	Lớp Quản lý hành chính nhà nước K43	6.0	5.5	Đạt
111	TH.2.26.114	NGUYỄN VŨ HIỀN	PHƯƠNG	Nữ	09/11/2004	Hưng Yên	Kinh	Lớp Báo mạng điện tử K42	5.75	6.5	Đạt
112	TH.2.26.115	LÊ HOÀNG NHẬT	QUANG	Nam	04/10/2004	Hà Nội	Kinh	Lớp Quan hệ Quốc tế và Truyền thông Toàn cầu CLCK42	8.0	7.5	Đạt
113	TH.2.26.116	NGHIÊM NGỌC	QUỲNH	Nữ	31/5/2004	Hà Nội	Kinh	Lớp Xã hội học K42	8.0	7.0	Đạt
114	TH.2.26.117	NGUYỄN XUÂN	SANG	Nữ	08/02/2006	Nghệ An	Kinh	Lớp Truyền Thông Chính Sách K44	6.0	9.0	Đạt
115	TH.2.26.118	ĐẶNG NGỌC	SON	Nam	31/3/2002	Lào Cai	Kinh	Lịch Sử Đảng K40	5.75	9.0	Đạt
116	TH.2.26.119	NGUYỄN THỊ MỸ	TÂM	Nữ	11/12/2005	Bắc Ninh	Kinh	Lớp Truyền thông đa phương tiện K43	6.25	7.5	Đạt
117	TH.2.26.120	TÔ THUỶ	TIÊN	Nữ	28/01/2004	Hà Nội	Kinh	Lớp Quan hệ chính trị và Truyền thông quốc tế K42	8.75	8.0	Đạt
118	TH.2.26.121	ĐỖ THANH	TIÊN	Nam	12/7/2005	Hải Phòng	Kinh	Truyền Thông Đại Chúng K43 A1	6.25	8.0	Đạt

STT	SBD	Họ và tên đệm	Tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Lớp/ĐVCT	Điểm TN	Điểm TH	KẾT QUẢ
119	TH.2.26.122	NGÔ ĐỨC	TOÀN	Nam	05/9/2004	Hà Nội	Kinh	Lớp Công tác xã hội K42	7.75	8.0	Đạt
120	TH.2.26.123	THÂN HỒNG	THANH	Nữ	17/12/2003	Quảng Ninh	Kinh	Lớp Quản lý Hành chính nhà nước K42	6.0	6.5	Đạt
121	TH.2.26.124	HOÀNG THU	THẢO	Nữ	24/11/2005	Tuyên Quang	Kinh	Kinh Tế Chính Trị K43	7.75	8.0	Đạt
122	TH.2.26.125	TRẦN ĐỨC	THỊNH	Nam	23/7/2005	Ninh Bình	Kinh	Lớp Quản Lý xã hội K43	5.0	5.0	Đạt
123	TH.2.26.126	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THÙY	Nữ	24/5/2004	Hà Nội	Kinh	Lớp Truyền thông Đại chúng K42A1	7.25	9.5	Đạt
124	TH.2.26.127	LÊ THỊ	THÙY	Nữ	28/11/2005	Thanh Hoá	Kinh	Lớp Quan hệ chính trị & Truyền thông quốc tế K43	7.75	9.0	Đạt
125	TH.2.26.128	NGUYỄN THU	THÙY	Nữ	29/8/2002	Hà Nội	Kinh	Lớp Kinh tế và quản lý K40 CLC	6.75	7.5	Đạt
126	TH.2.26.130	PHẠM HÀ ANH	THƯ	Nữ	07/7/2006	Hà Nội	Kinh	Báo truyền hình K44A2	4.25	6.5	Không đạt
127	TH.2.26.131	VŨ MINH	THƯ	Nữ	02/7/2005	Hà Nội	Kinh	Quan hệ chính trị và Truyền thông quốc tế K43	6.25	8.5	Đạt
128	TH.2.26.132	TRẦN HOÀNG	THƯƠNG	Nữ	24/11/2005	Tuyên Quang	Kinh	Truyền thông Đa phương tiện K43	7.5	7.0	Đạt
129	TH.2.26.133	PHẠM HƯƠNG	TRÀ	Nữ	31/01/2004	Hải Phòng	Kinh	Lớp Quảng Cáo K42	7.25	7.5	Đạt
130	TH.2.26.135	HÀ MINH	TRANG	Nữ	29/11/2005	Thanh Hoá	Mường	Lớp truyền thông đa phương tiện K43	8.75	7.0	Đạt
131	TH.2.26.136	ĐẶNG THUY	TRANG	Nữ	18/02/2007	Hà Nội	Kinh	Quản lý công K45A2	6.25	6.5	Đạt
132	TH.2.26.137	ĐỖ THÙY	TRANG	Nữ	04/02/2005	Lào Cai	Kinh	Triết học k43	8.0	6.0	Đạt
133	TH.2.26.138	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	Nữ	23/3/2003	Ninh Bình	Kinh	Đại học sư phạm Hà Nội 2	6.25	5.5	Đạt
134	TH.2.26.139	NGUYỄN HÀ	TRANG	Nữ	13/9/2002	Hải Phòng	Kinh	Lớp Kinh tế & Quản lý CLC K40	7.25	7.5	Đạt
135	TH.2.26.140	NGUYỄN YẾN	TRANG	Nữ	10/02/2004	Hà Nội	Kinh	Lớp Báo Mạng điện tử CLC K42	7.25	8.0	Đạt
136	TH.2.26.141	VŨ THỊ THU	TRANG	Nữ	16/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Chủ nghĩa xã hội khoa học K42	7.25	5.5	Đạt
137	TH.2.26.142	TRẦN THÙY ĐOAN	TRANG	Nữ	16/5/2004	Hà Nội	Kinh	Quan hệ chính trị và Truyền thông quốc tế K42	7.0	8.5	Đạt
138	TH.2.26.143	ĐÀM NGỌC	TRÂM	Nữ	05/01/2006	Hà Nội	Kinh	Quan hệ chính trị và truyền thông quốc tế K44	6.0	6.5	Đạt

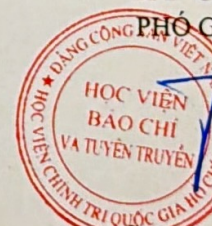
STT	SBD	Họ và tên đệm	Tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Lớp/ĐVCT	Điểm TN	Điểm TH	KẾT QUẢ
139	TH.2.26.144	VƯƠNG THỊ THANH	TRÚC	Nữ	13/01/2004	Hà Nội	Kinh	Lớp Báo In K42	5.25	5.5	Đạt
140	TH.2.26.145	NGUYỄN THUỶ	TRÚC	Nữ	26/9/2004	Hà Nội	Kinh	Lớp Quản Lý Kinh Tế K42	7.75	9.0	Đạt
141	TH.2.26.146	PHẠM TÔ PHƯƠNG	UYÊN	Nữ	10/3/2004	Hà Tĩnh	Kinh	Quay phim truyền hình K42	5.75	5.0	Đạt
142	TH.2.26.147	NGUYỄN THỊ THANH	UYÊN	Nữ	27/7/2004	Hà Nội	Kinh	Lớp Báo In K42	7.0	8.0	Đạt
143	TH.2.26.148	NGUYỄN THU	VÂN	Nữ	27/9/2004	Thanh Hoá	Kinh	Lớp Quảng cáo K42	7.0	9.5	Đạt
144	TH.2.26.149	ĐÌNH ANH	VŨ	Nam	16/4/2000	Hồ Chí Minh	Kinh	Lớp Triết học K40	8.75	6.0	Đạt
145	TH.2.26.150	PHẠM NGUYỄN HÀ	VY	Nữ	25/02/2005	Ninh Bình	Kinh	Lớp Truyền thông quốc tế K43	8.25	5.0	Đạt
146	TH.2.26.151	TRÌNH THỊ THẢO	VY	Nữ	18/3/2003	Nghệ An	Kinh	Lớp Chủ nghĩa xã hội khoa học K42	5.25	5.5	Đạt
147	TH.2.26.152	HÀ TRẦN TƯỜNG	VY	Nữ	18/12/2005	Hung Yên	Kinh	Lớp Quản lý hành chính Nhà nước K43	7.25	9.0	Đạt
148	TH.2.26.153	TRẦN PHƯƠNG	YẾN	Nữ	30/7/2006	Hà Nội	Kinh	Lớp Quan hệ chính trị - Truyền thông quốc tế K44	5.25	8.5	Đạt
149	TH.2.26.154	BÙI THỊ	YẾN	Nữ	19/8/2004	Phú Thọ	Mường	Lớp Quản lý kinh tế K42	5.75	8.0	Đạt

Tổng số thí sinh dự thi: 149
 Tổng số thí sinh đạt: 144
 Tổng số thí sinh không đạt: 5

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2026

K/T GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Trường Giang